

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

1. **Vị trí** : Gồm đồng bằng bắc bộ và dải đất rìa trung du
2. **Giới hạn: SGK**
3. **Ý nghĩa**
 - Thuận lợi giao lưu kinh tế – xã hội với các vùng trong nước và thế giới
 - Có thủ đô Hà Nội là 1 trung tâm kinh tế thương mại dịch vụ.lớn nhất nước
 - Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn, giàu tiềm năng, thuận lợi phát triển kinh tế biển.
 - Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía bắc.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**1. Ý nghĩa của đồng bằng sông Hồng với đời sống SXNN.**

- Bồi đắp phù sa tạo nên đồng bằng bắc bộ, mở rộng diện tích canh tác
- Cung cấp nước cho đời sống và sản xuất nông nghiệp.
- Phát triển ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
- Giao thông vận tải đường thủy.
- Do chế độ nước của sông Hồng thất thường, thường xuyên lũ lụt, nên cần xây dựng hệ thống đê điều ven sông, ven biển vững chắc để bảo vệ mùa màng, tài sản và con người.

2. Tài nguyên thiên nhiên.

- a) **Đất**: phù sa màu mỡ rộng lớn (thứ 2 trên cả nước: 15000 km²), thuận lợi cho việc thâm canh lúa nước.
- b) **Khí hậu**: NĐGM có mùa đông lạnh, thuận lợi cho trồng cây nhiệt đới, cây cận nhiệt đới, do đó vụ đông trở thành vụ sản xuất chính của nhiều địa phương
- c) **Nước**: Dồi dào có giá trị đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống
- d) **Biển**: Giáp với vùng biển giàu tiềm năng, phát triển đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản.
- e) **Tài nguyên du lịch**: Phát triển du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn.

3. Khó khăn:

- Thời tiết khí hậu thất thường nhiều thiên tai (lũ lụt, hạn hán, bão, sương muối...)
- Tài nguyên khai thác cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm
- Thủy chế sông thất thường .
- DS đông và tăng nhanh nên bình quân đất NN ít

III. Đặc điểm dân cư xã hội

- Đông dân và có mật độ dân số cao nhất nước

- Nguồn lao động dồi dào có kỹ thuật, có kinh nghiệm trồng lúa với trình độ thâm canh cao
- Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện
- Một số đô thị hình thành từ lâu đời
- Cơ cấu KT chuyển dịch chậm.

Bài 21: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (tt)

IV. Tình hình phát triển kinh tế

1. Công nghiệp

- Hình thành sớm và phát triển mạnh
- Trong cơ cấu kinh tế ngành CN – XD tăng mạnh và chiếm tỉ trọng lớn (thứ 2)
- Giá trị sản xuất CN tăng nhanh chiếm 21% GDP, (năm 2002)
- Các ngành công nghiệp trọng điểm: sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến lương thực – thực phẩm, cơ khí, vật liệu xây dựng.
- Sản phẩm CN quan trọng : máy công cụ, động cơ điện, thiết bị điện tử ,
- Công nghiệp phát triển mạnh ở Hà Nội, Hải Phòng , Nam Định.
- Hà Nội là trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng và lớn thứ 2 cả nước.

2. Nông nghiệp.

a) Trồng trọt:

- Quan trọng là lúa và cây ngô.
- Diện tích và sản lượng lúa đứng thứ 2 sau đồng bằng sông Cửu Long nhưng năng suất lúa cao nhất nước, do trình độ thâm canh cao.
- Vụ đông trở thành vụ sản xuất chính, đem lại hiệu quả kinh tế cao, trồng một số cây ưa lạnh : ngô đông, su hào, bắp cải, cà chua, khoai tây...
- Ngoài ra còn trồng cây ăn quả, cây công nghiệp hằng năm: Mía, lạc....

b) Chăn nuôi

- Chăn nuôi gia súc , gia cầm , chủ yếu nuôi lợn (sản lượng lớn nhất nước) và đặc biệt là bò sữa nuôi ở ven các TP lớn .
- Đánh bắt - nuôi trồng thủy sản chú ý phát triển.

3. Dịch vụ

- Giao thông vận tải, du lịch và bưu chính viễn thông đều phát triển mạnh.
- Hà Nội, Hải Phòng là 2 trung tâm dịch vụ lớn nhất và 2 đầu mối giao thông vận tải quan trọng của vùng.

V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

- Hai trung tâm kinh tế lớn nhất: Hà Nội, Hải Phòng.

- Các thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long tạo thành một tam giác KT tăng trưởng mạnh của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Vai trò: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ tạo điều kiện cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH_HĐH , sử dụng hợp lí tài nguyên và nguồn lao động dồi dào của đb sông Hồng và TDMNBB